

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án:
Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Sơn Tịnh năm 2011
– Hạng mục: Kênh tưới Bm Trà Điều.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 386/UBND-CNXD ngày 14/4/2014 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc đầu tư xây dựng kiên cố hóa kênh mương thị trấn Sơn Tịnh năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-CT ngày 21/6/2011 của UBND thị trấn Sơn Tịnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Sơn Tịnh năm 2011 - Hạng mục Kênh và công trình trên kênh tuyến Bm Trà Điều;

Xét đề nghị của UBND phường Trương Quang Trọng tại Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 21/11/2014 về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Sơn Tịnh năm 2011 – Hạng mục: Kênh tưới Bm Trà Điều (kèm theo hồ sơ Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án); Trên cơ sở Kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 674/BC-TCKH-XD ngày 28/12/2017 của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành:

1. Tên dự án: Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Sơn Tịnh năm 2011 – Hạng mục: Kênh tưới Bm Trà Điều.

2. Chủ đầu tư: UBND phường Trương Quang Trọng.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi,

4. Thời gian khởi công, hoàn thành:

- Thời gian khởi công: 01/8/2011.

- Thời gian hoàn thành: 15/3/2014.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số	2.570.216.000	2.434.595.000	135.621.000
- Vốn ngân sách huyện Sơn Tịnh (hỗ trợ)	1.799.151.000	1.799.151.000	0
- Phần còn lại thuộc ngân sách địa phương và huy động đóng góp	771.065.000	635.444.000	135.621.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
(1)	(2)	(3)
Tổng số	2.750.546.000	2.570.216.000
- Chi phí xây dựng	2.363.077.225	2.360.475.000
- Chi phí quản lý dự án	51.364.706	50.302.101
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	170.784.007	150.573.271
- Chi phí khác	34.049.794	8.865.678
- Chi phí dự phòng	131.270.245	0

(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục số 01 đính kèm)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giáo đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng số	2.570.216.000	-	-	-
- Tài sản cố định	2.570.216.000	-	-	-
- Tài sản lưu động	-	-	-	-

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
Tổng số	2.570.216.000	-
- Vốn ngân sách huyện Sơn Tịnh (hỗ trợ)	1.799.151.000	
- Phần còn lại thuộc ngân sách địa phương và huy động đóng góp	771.065.000	

* Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 21/11/2014 là:

- Tổng nợ phải thu: 5.000.000 đồng (Vốn ngân sách phường và huy động đóng góp).

- Tổng nợ phải trả: 140.621.050 đồng (Vốn ngân sách phường và huy động đóng góp).

(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục số 02 đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
(1)	(2)	(3)
UBND phường Trương Quang Trọng	2.570.216.000	-

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan liên quan:

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện xử lý theo kiến nghị tại Báo cáo thẩm tra số 674/BC-TCKH-XD ngày 28/12/2017 của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố và nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Quản lý đô thị thành phố; Phòng Giao dịch Kho bạc Nhà nước thành phố; Chủ tịch UBND phường Trương Quang Trọng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND TP;
- VPUB: PVP;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH
DỰ ÁN: KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG THỊ TRẦN SƠN TỈNH NĂM 2011 - HẠNG MỤC: KÊNH TỚI BỊM TRÀ ĐIỀU
(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-UBND ngày 10 /01/11 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI TRÌNH PHÊ DUYỆT	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (3)	(7) = (5) - (4)	(8)
I	Chi phí xây dựng	2.363.077.225	2.360.475.000	2.360.475.000	-2.602.225	0	
II	Chi phí quản lý dự án	51.364.706	51.364.706	50.302.101	-1.062.605	-1.062.605	
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	170.784.007	158.254.156	150.573.271	-20.210.736	-7.680.885	
1	Chi phí Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTG và dự toán	111.939.087	99.409.236	99.409.236	-12.529.851	0	
2	Chi phí thẩm định thiết kế BVTG và dự toán	3.052.666	3.052.666	3.052.000	-666	-666	
3	Chi phí lập HSYC và phân tích HSĐX	6.663.878	6.663.878	0	-6.663.878	-6.663.878	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	49.128.376	49.128.376	48.112.035	-1.016.341	-1.016.341	
IV	Chi phí khác	34.049.794	8.003.292	8.865.678	-25.184.116	862.386	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	15.360.002	0	0	-15.360.002	0	
2	Chi phí kiểm toán	11.815.386	0	0	-11.815.386	0	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	6.874.406	8.003.292	8.865.678	1.991.272	862.386	
V	Chi phí dự phòng	131.270.245	0	0	-131.270.245	0	
	TỔNG SỐ	2.750.545.977	2.578.097.154	2.570.216.050	-180.329.927	-7.881.104	
	LÀM TRÒN SỐ	2.750.546.000	2.578.097.000	2.570.216.000	-180.330.000	-7.881.000	

BẢNG TÍNH HÌNH THÀNH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
DỰ ÁN: KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG THỊ TRÁN SƠN TỈNH NĂM 2011 - HẠNG MỤC: KÊNH TỚI BÌM TRÁ ĐIỆU
(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-UBND ngày 10 / 01 / 2012 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	GIÁ TRỊ ĐÃ THANH TOÁN (CHỦ ĐẦU TƯ TRÌNH)	CÔNG NỢ CÁC ĐƠN VỊ	
					NỢ PHẢI THU	NỢ PHẢI TRẢ
I	Chi phí xây dựng	Công ty TNHH Hiệp Thành	2.360.475.000	2.271.000.000	0	89.475.000
II	Chi phí quản lý dự án	UBND phường Trương Quang Trọng	50.302.101	35.955.000	0	14.347.101
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		150.573.271	127.640.000	-5.000.000	27.933.271
1	Chi phí Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán	Công ty Tư vấn và Xây dựng thủy lợi Quảng Ngãi	99.409.236	80.000.000	0	19.409.236
2	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh	3.052.000	3.052.000	0	0
3	Chi phí lập HSYC và phân tích HSDX	UBND phường Trương Quang Trọng	0	5.000.000	-5.000.000	0
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Trường Sơn	48.112.035	39.588.000	0	8.524.035
IV	Chi phí khác		8.865.678	0	0	8.865.678
I	Chi phí Thẩm tra quyết toán	Phòng Tài chính -- Kế hoạch thành phố Quảng Ngãi	8.865.678	0	0	8.865.678
	TỔNG SỐ		2.570.216.050	2.434.595.000	-5.000.000	140.621.050
	TỔNG CÔNG NỢ (TRÒN SỐ)		2.570.216.000	2.434.595.000	135.621.000	

